**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | Một số yếu tố thống kê và xác suất | Nhận biết cách biểu diễn dữ liệu. Nêu được kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện khi tung đồng xu .Tính được xác suất thực nghiệm | 2  (TN4,5)  0, 5 đ |  |  |  |  |  |  |  | 0, 5đ |
| **3** | Phân số | Nhận biết, so sánh. Các phép tính về phân số. số thập phân. Tỉ số, tỉ số phần tram. Làm tròn  Hai bài toán về phân số | 6  (TN1,2,3,6,7,8)  1, 5đ |  | 1  (TN 9)  0,25 | 2+2/3  (TL 13a ,b,; 14a,b; 15b,16a,c)  4đ |  | 2  (TL,13c,d15a,)  2 |  | 1  (TL 17)  0,5đ | 8,25đ |
| **4** | Hình học phẳng | Điểm, đường thẳng, Tia  Đoạn thẳng. Trung điểm đoạn thẳng  Biết nhận biết góc nhọn, vuông, tù, bẹt. Vẽ góc khi biết số đo | 2  (TN10,11,12)  0,75 đ |  |  |  |  | 1/3  (TL,13c,d15a,16b)  0,5 |  |  | 1,25 |
| **Tổng: Số câu**  **Điểm** | | | 10  2,75 |  | 1  0,25 | 2+2/3  4 |  | 2+1/3  2,5 |  | 1  0,5 | 17  10 |
| **Tỉ lệ %** | | | 40% | | 30% | | 25% | | 5% | | 100% |
| **Tỉ lệ chung** | | | 70% | | | | 30% | | | | 100% |

**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II TOÁN – LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/Chủ đề** | | **Mức độ đánh giá** |  | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **SỐ HỌC- ĐẠI SỐ** | | | | | | | |
| 2 | **Một số yếu tố thống kê và xác suất** | Nhận biết cách biểu diễn dữ liệu. Nêu được kết quả có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện khi tung đồng xu .Tính được xác suất thực nghiệm | ***Nhận biết***  – Nhận biết cách biểu diễn dữ liệu  ***Vận dụng***  Vận dụng tính được xác suất thực nghiệm | 2  (TN4,5)  0, 5 đ |  |  |  |
|  |
| ***Vận dụng cao***  – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết toán liên quan. |  |  |  |  |
| 3 | Phân số | Nhận biết, so sánh. Các phép tính về phân số. số thập phân. Tỉ số, tỉ số phần trăm. Làm tròn  Hai bài toán về phân số | **Nhận biết**  - Nhận biết phân số  - Nhận biết số đối của một phân số  - Nhận biết phân số tối giản | 6  (TN1,2,3,6,7,8)  1, 5đ |  |  |  |
| **Thông hiểu**  - Vận dụng quy tắc Cộng, trừ, nhân, chia P/s.  - Tìm x | 1  (TN 9)  0,25 | 2+2/3  (TL 13a ,b,; 14a,b; 15b,16a,c)  4đ |  |  |
| **Vận dụng**  - Thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số  - Vận dụng các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán.  - Vận dụng hai bài toán về phân số |  |  | 2+1/3  (TL,13c,d15a,)  2 | 1  (TL 17)  0,5đ |
| **HÌNH HỌC PHẲNG** | | | | | | | |
| 2 | **HÌNH HỌC PHẲNG** | Điểm, đường thẳng, Tia  Đoạn thẳng. Trung điểm đoạn thẳng | ***Nhận biết***  - Nhận biết quan hệ cơ bản giữa các điểm, đường thẳng, điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng.  **-** Nhận biết khái niệm 3 điểm thẳng hàng, 3 điểm không thẳng hàng  - Vẽ hình, tính độ dài đoạn thẳng  - Nhận biết góc nhọn, vuông, tù , bẹt | 2  (TN10,11,12)  0,75 đ |  |  |  |
| ***Thông hiểu***  - Vẽ hình, tính độ dài đoạn thẳng  - Biết vẽ góc cho biết số đo |  |  |  |  |
| ***Vận dụng***  - Độ dài đoạn  thẳng. Trung điểm  đoạn thẳng |  |  | 2+1/3  (TL,13c,d15a,16b)  0,5 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND QUẬN HÀ ĐÔNG**  **TRƯỜNG THCS PHÚ CƯỜNG** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn: Toán 6 – Tiết 100+101**  *Thời gian 90 phút (không kể thời gian giao đề)* |

**ĐỀ BÀI**

**I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)**

**Chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng trong các câu sau:**

**Câu 1:** Làm tròn số thập phân 81, 24035 đến hàng phần trăm ta được số:

**A.** 81, 24. **B.** 81, 25. **C.** 81. **D.** 81, 241.

**Câu 2**: Hỗn số  viết dưới dạng phân số là:

**A**. **B.** **C.**  **D.** 

**Câu 3**: Trong các phân số sau:  phân số có giá trị lớn nhất là:

**A.**  **B.**  **C.**  **D**. 

**Câu 4:** Nếu tung một đồng xu  lần liên tiếp có  lần xuất hiện mặt . Xác suất hiện mặt  là:

**A.** **.**  **B.** **.** **C.** **.** **D.** **.**

**Câu 5.** Các môn thể thao ưa thích của học sinh lớp  ghi lại trong bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Môn thể thao | Số bạn ưa thích |
| Cầu lông |  |
| Bóng bàn |  |
| Bóng đá |  |
| Đá cầu |  |
| Bóng rổ |  |

Môn thể thao ưa thích nhất của học sinh lớp  là:

**A.** Cầu lông. **B.** Bóng bàn. **C.** Đá cầu. **D.** Bóng đá.

**Câu 6 :** Số thập phân nào biểu diễn phân số :

1. 0,25 **B.** 0,5 **C.** 0,4 **D.** 0,1

**Câu 7:** Phân số  viết dưới dạng dùng ký hiệu % là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** -25% | **B.** -7% | **C.** -175% | **D.** -28% |

**Câu 8:** Kết quả của phép tính (-4,125). 0,01 là:

1. **-**412,5. **B .** -0,04125**. C. -** 4,125**. D.** -41,25.

**Câu 9:**  của 60 là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. 45 | **B.** 30 | **C.** 40 | **D.** 50 |

**Câu 10:** Cho  và điểm  nằm trong góc đó. Khẳng định đúng là

**A.** . **C.** .

**B.**. **D.** .

**Câu 11:** Cho điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB, biết MA = 3cm .

Độ dài đoạn thẳng AB là:

**A.** 4 cm **B.** 6 cm **C.** 5 cm **D.** 1,5 cm.

**Câu 12:** Nếu góc A có số đo bằng . Ta nói:

1. Góc A là góc nhọn **C.** Góc A là góc vuông
2. Góc A là góc tù **D.** Góc A là góc bẹt

**II. PHẦN TỰ LUẬN (7,0 điểm)**

**Câu 13:** *(1,5 điểm)* Thực hiện phép tính (*hợp lý có thể*):

 

 

**Câu 14:** *(1 điểm)* Tìm x, biết:

 

**Câu 15:** *(2 điểm)* Lớp 6A có 40 học sinh gồm ba loại: giỏi, khá, trung bình . Số học sinh giỏi chiếm 25% số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng  số học sinh còn lại.

a) Tính số học sinh mỗi loại.

b) Tìm tỉ số phần trăm số học sinh trung bình so với học sinh cả lớp.

**Câu 16** *(2 điểm)*

Cho đoạn thẳng AB = 10cm. Gọi C là trung điểm của đoạn thẳng AB

a) Tính độ dài đoạn thẳng CA và CB

b) Trên tia đối của tia AB lấy điểm D sao cho AD = 5cm. Hỏi điểm A có là trung điểm của đoạn thẳng CD không? Vì sao?

c) Vẽ . Hãy chỉ ra các góc nhọn, góc tù và góc bẹt đỉnh A

**Câu 17:** *(0,5 điểm)* Cho phân số . Tìm số nguyên *n* để A là số nguyên.

**--------------------------------Hết-------------------------------**

*Họ và tên thí sinh:................................................ Số báo danh:..............................*

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

**MÔN TOÁN 6**

**I. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)**

**BẢNG ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. A | 2. D | 3. D | 4.C | 5.D | 6.A | 7.D | 8. B | 9. A | 10. C | 11. B | 12. B |

**II. TỰ LUẬN (8 điểm)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** | **Tổng** |
| **13** | a) | 0,5đ | 1,5đ |
| b) | 0,5đ |
| c) 206 | 0,25đ |
| d) | 0,25đ |
| **14** | **a)**x=0 | 0,5đ | 1đ |
| **b)** | 0,5đ |
| **15** | a) Số học sinh giỏi là: 40 . 25% = 10 (học sinh)  Số học sinh còn lại là: 40 – 10 = 30 (học sinh)  Số học sinh khá là: 30. = 24 (học sinh)  Số học sinh trung bình là: 30 - 24 = 6 (học sinh)  b) Tỉ số phần trăm số học sinh trung bình so với số học sinh cả lớp là: | 0,5 đ  0,5 đ  0,5 đ  0,5 đ | 2đ |
| **16** |  | 0,5đ  (vẽ hình câu a) | 2 đ |
| a)Vì C là trung điểm của đoạn thẳng AB nên: | 0,5đ |
| b)+ Vì D tia đối của tia AB và C AB nên AD và AC là hai tia đối nhau  => Điểm A nằm giữa hai điểm A và C  Mà AD = AC (= 5cm)  Suy ra: A là trung điểm của đoạn thẳng DC | 0,25đ  0,25đ |
| c) Vì  nên là góc nhọn  là góc tù  là góc bẹt | 0,25đ  0,25đ |
| **17** | Để A là số nguyên thì  là số nguyên | 0,25đ  0,25đ | 0,5đ |

--- Hết ---

|  |  |
| --- | --- |
| **Duyệt của Ban giám hiệu** | **Người ra đề**  **Nguyễn Thị Dung** |